

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số 1383 /UBND-KTTH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 09 tháng 7 năm 2013

Về việc triển khai thực hiện Thông tư
số 15/2013/TT-BTC ngày 05/02/2013
của Bộ Tài chính.

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Ngày 05/02/2013 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 15/2013/TT-BTC hướng dẫn Hệ thống chỉ tiêu và Mẫu biểu báo cáo thống kê sử dụng tại các Sở Tài chính. Để phục vụ cho công tác quản lý, điều hành, lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; phân tích, dự báo và hoạch định chính sách; Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu thống kê thuộc đối tượng cung cấp của đơn vị, địa phương theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính và phụ lục danh mục biểu báo cáo đính kèm, để thu thập, tổng hợp và cung cấp chính xác thông tin thống kê cho Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) theo đúng thời gian và biểu mẫu qui định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương tổ chức thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ các thông tin thống kê phục vụ công tác quản lý, điều hành ngân sách và thực hiện cung cấp đầy đủ các thông tin cho cấp thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Thời gian thực hiện báo cáo:

- Bắt đầu từ năm 2013.
- Đối với báo cáo tháng: Chậm nhất vào ngày 25 của tháng báo cáo (đối với số liệu ước thực hiện) và ngày 10 của tháng sau tháng báo cáo (đối với số liệu thực hiện).
- Đối với báo cáo năm: Chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 năm báo cáo (đối với số liệu thực hiện năm trước) và ngày 30 tháng 9 của năm báo cáo (đối với số liệu ước thực hiện).

4. Các sở, ban, ngành; các địa phương tổ chức nghiên cứu Thông tư số 15/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính phối hợp triển khai thực hiện theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo đề các đơn vị, địa phương biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c CT, các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hải

Phụ lục
DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU DO CÁC SỞ, NGÀNH, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN BÁO CÁO
 (kèm theo Công văn số ~~1383~~ /UBND-KTTH ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Mẫu biểu	Số biểu	Kỳ công bố	Đơn vị cung cấp số liệu
01	Diện tích và cơ cấu đất	01/ngành	Năm	Sở Tài nguyên và MT
02	Số đơn vị hành chính	02/ngành	Năm	Sở Nội vụ
03	Dân số	03/ngành	Năm	Cục Thống kê
04	Lao động và việc làm	04/ngành	Năm	Sở Lao động TB và XH chủ trì phối hợp Cục Thống kê
05	Một số chỉ tiêu cơ bản của doanh nghiệp	05/ngành	Năm	Sở Tài chính chủ trì phối hợp Cục thuế, Sở KHĐT, UBND các huyện, TP, Sở LĐ
05a	Một số chỉ tiêu cơ bản của doanh nghiệp	05a/ngành	Năm	UBND các huyện, TP
05b	Một số chỉ tiêu cơ bản của doanh nghiệp	05b/ngành	Năm	Cục Thuế tỉnh
05c	Một số chỉ tiêu cơ bản của doanh nghiệp	05c/ngành	Năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư
05d	Một số chỉ tiêu cơ bản của doanh nghiệp	05d/ngành	Năm	Sở Lao động TB XH
06	Một số chỉ tiêu của doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn	06/ngành	Năm	Sở Tài chính chủ trì phối hợp Cục thuế, Sở KHĐT, UBND các huyện, TP
06a	Một số chỉ tiêu của doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn	06a/ngành	Năm	Cục Thuế tỉnh
06b	Một số chỉ tiêu của doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn	06b/ngành	Năm	Sở Kế hoạch và Đầu tư
06c	Một số chỉ tiêu của doanh nghiệp ngoài nhà nước trên địa bàn	06c/ngành	Năm	UBND các huyện, TP
07	Chỉ tiêu về biên chế quản lý hành chính sự nghiệp	07/ngành	Năm	Sở Nội vụ (QLNN và các Hội), Ban Tổ chức TU (Khối Đảng, đoàn thể)
07a	Chỉ tiêu về biên chế quản lý hành chính sự nghiệp (QLNN và các Hội)	07a/ngành	Năm	Sở Nội vụ
07b	Chỉ tiêu về biên chế quản lý hành chính sự nghiệp (Khối Đảng, Đoàn thể)	07b/ngành	Năm	Ban Tổ chức TU
08	Chỉ tiêu cơ bản về giao thông	08/ngành	Năm	Sở Giao thông Vận tải
09	Chỉ tiêu cơ bản về đê, bờ kênh địa phương quản lý	09/ngành	Năm	Sở Nông nghiệp và PTNT
10	Vốn và cơ cấu vốn đầu tư phát triển trên địa bàn theo giá thực tế	10/ngành	Năm	Sở KHĐT chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Cục Thống kê, KBNN
11	Dự án đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách nhà nước	11/ngành	Năm	Sở Kế hoạch và ĐT
12	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn Ngân sách nhà nước	12/ngành	Năm	Sở Kế hoạch và ĐT
13	Số dự án và vốn đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép mới và bổ sung vốn	13/ngành	Năm	Sở Kế hoạch và ĐT
14	Vốn thực hiện của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài	14/ngành	Năm	Sở Kế hoạch và ĐT
15	Vốn hỗ trợ phát triển chính thức thực hiện	15/ngành	Năm	Sở Kế hoạch và ĐT phối hợp Cục thống kê
16	Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành	16/ngành	Năm	Cục Thống kê
17	Tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh	17/ngành	Năm	Cục Thống kê
18	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành	18/ngành	Năm	Cục Thống kê
19	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá so sánh	19/ngành	Năm	Cục Thống kê

STT	Mẫu biểu	Số biểu	Kỳ công bố	Đơn vị cung cấp số liệu
20	Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn	20/ngành	Năm	Cục Thống kê
21	Tổng mức bán lẻ hàng hoá	21/ngành	Năm	Sở Công Thương chủ trì phối hợp Cục thống kê
22	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 năm báo cáo so với tháng 12 năm trước	22/ngành	Năm	Cục Thống kê
23	Chỉ số giá tiêu dùng các tháng năm ... so với các tháng trước	23/ngành	Tháng, Năm	Cục Thống kê
24	Chỉ tiêu về phát thanh, truyền hình	24/ngành	Năm	Đài PTTH chủ trì phối hợp Sở Thông tin và TT
25	Chỉ tiêu về khoa học và công nghệ	25/ngành	Năm	Sở Khoa học và CN
26	Chỉ tiêu cơ bản về giáo dục và đào tạo	26/ngành	Năm	Sở GDĐT
27	Chỉ tiêu cơ bản về đào tạo	27/ngành	Năm	Sở GDĐT
28	Chỉ tiêu cơ bản về sự nghiệp y tế	28/ngành	Năm	Sở Y tế
29	Chỉ tiêu về văn hoá, thể thao	29/ngành	Năm	Sở Văn hóa TT và DL
30	Các chỉ tiêu đảm bảo xã hội	30/ngành	Năm	Sở Lao động TB và XH
31	Báo cáo tình hình thực hiện chương trình Kiên cố hoá Kênh mương, Giao thông nông thôn, Cơ sở hạ tầng, nuôi trồng thủy sản, Cơ sở hạ tầng làng nghề ở nông thôn	31/ngành	Năm	Sở Nông nghiệp và PTNT
32	Báo cáo tình hình thực hiện chương trình kiên cố hoá trường, lớp học	32/ngành	Năm	Sở GDĐT
33	Báo cáo tình hình thực hiện đầu tư cơ sở y tế từ nguồn trái phiếu chính phủ	33/ngành	Năm	Sở Y tế
34	Báo cáo tình hình thực hiện pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi	34/ngành	Năm	Sở Nông nghiệp và PTNT
35	Báo cáo tình hình thực hiện chương trình giảm nghèo theo nghị quyết 30a	35/ngành	Năm	Sở Lao động TB và XH chủ trì phối hợp UBND các huyện, Sở KHĐT, Sở Tài chính
36	Quyết toán chi xây dựng cơ bản của ngân sách cấp tỉnh	0109	Năm	KBNN
37	Quyết toán chi ngân sách địa phương cho các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án (vốn ĐT)	0110	Năm	UBND các huyện, TP
38	Dự án đầu tư xây dựng cơ bản	0305/a	Năm	UBND các huyện, TP

Ghi chú: Báo cáo gửi về Ủy ban nhân tỉnh (qua Sở Tài chính) chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 năm báo cáo (đối với số liệu thực hiện năm trước); ngày 30 tháng 9 của năm báo cáo (đối với số liệu ước thực hiện năm nay). Sở Tài chính cung cấp biểu mẫu, hướng dẫn các sở, ban, ngành và các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định.